TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **53/**2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27/11/2019
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Linh – Bí thư Đảng ủy xã Phước Thể

2. Ông Ngô Anh Tuấn – Phó Chủ tịch UBMTTQVN huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Đắc Quốc Tuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Phương Tr**, sinh năm 1978

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xóm 07, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 255/25 Thống Nhất, khu phố N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1973

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xóm 07, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú cuối cùng: số nhà 255/25 Thống Nhất, khu phố N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị Phương Tr trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyên sống chung với nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 256, ngày 18/11/1996. Sau khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 6 năm 2013, vợ chồng chuyển hộ khẩu về sinh sống tại xóm 07, xã M, huyện T; tiếp tục đến tháng 06 năm 2017, vợ chồng về sinh sống tại số nhà 255/25 Thống Nhất, khu phố N, thị trấn P, huyện T cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng ông Nguyễn Thanh H có tính gia trưởng, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ mặc một mình bà bươn chải làm việc lo cho cuộc sống gia đình. Ngoài ra, ông Hiền thường hay gây sự, hành hung đánh đập bà gây tổn thương đến sức khỏe và tinh thần bà nhiều năm; nhiều lần bà đã báo chính quyền địa phương về hành vi bạo lực gia đình của ông Hiền đối với bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, đó cũng là khoảng thời gian ông Nguyễn Thanh H bỏ nhà đi vào Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cụ thể bà không biết vì ông Hiền không cho bà biết địa chỉ) sinh sống cho đến nay; ông Nguyễn Thanh H có về nhà trong đêm một lần vào tháng 8 năm 2019, ông Hiền có hành hung bà trong đêm và sau đó bỏ đi.

Khi nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện T, bà có liên hệ với ông Nguyễn Thanh H về việc ly hôn tại Tòa án nhưng ông H không đồng ý về để cùng bà giải quyết vụ kiện ly hôn.

Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho ông được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: bà và ông H có 03 con chung là Nguyễn Phan Thủy T, sinh ngày 21/9/1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Gia H1, sinh ngày 15/8/2005 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 26/3/2009; hiện nay các cháu H1, H2 đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: do vắng mặt ông Nguyễn Thanh H nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

***Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H*:**

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Thanh H tại số nhà 255/25 Thống Nhất, khu phố N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng vẫn không liên lạc được với ông H, tại phiên tòa hôm nay ông H tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và

người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Phan Thị Phương Tr đối với ông Nguyễn Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú tại thường trú tại xóm 07, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận và có nơi cư trú cuối cùng tại số nhà 255/25 Thống Nhất, khu phố N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Phương Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Thanh H nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương Tr, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Phương Tr và ông Nguyễn Thanh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 256, ngày 18/11/1996 nên là hôn nhân hợp pháp, bà Trang có đơn xin ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của bà Trang cho thấy đời sống chung của bà Trang, ông H không hạnh phúc do ông Nguyễn Thanh H có tính gia trưởng, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ mặc một mình bà bươn chải làm việc lo cho cuộc sống gia đình. Ngoài ra, ông H thường hay gây sự, hành hung đánh đập bà gây tổn thương đến sức khỏe và tinh thần bà nhiều năm; nhiều lần bà đã báo chính quyền địa phương về hành vi bạo lực gia đình của ông H đối với bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, điều đó chứng tỏ ông H đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: bà và ông H có 03 con chung là Nguyễn Phan Thủy T, sinh ngày 21/9/1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Gia H1, sinh ngày 15/8/2005 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 26/3/2009; hiện nay các cháu Nguyễn Gia H1 và Nguyễn Huy H2 đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy các cháu H1, H2 ở với bà Trang từ khi ông Hiền bỏ đi từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, bà Tr đã nuôi dưỡng và giáo dục các con đảm bảo các điều kiện phát triển, hơn nữa nguyện vọng của cháu H1, cháu H2 xin được tiếp tục sống cùng mẹ nên giao cháu H1, cháu H2 cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; bà Tr không yêu cầu ông Hiền cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà Phan Thị Phương Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Phương Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: bà Phan Thị Phương Tr được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 15/8/2005 và Nguyễn Huy H2, sinh ngày 26/3/2009 cho bà Phan Thị Phương Tr tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Tr không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tr không được ngăn cản ông H việc chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Thị Phương Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà Tr đã nộp tại biên lai thu số: 0026224, ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà Phan Thị Phương Tr đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Phan Thị Phương Tr là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/11/2019), ông Nguyễn Thanh H là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND (Tỉnh - Huyện);*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Chi cục THADS huyện T;*
- *UBND quận 3, TP Hồ Chí Minh;*
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Trang